



TRUNG TÂM CÔNG
BẢO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
29.06.2023 17:23:26
+07:00



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 29/06/2023 11:32:21

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 580 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh;

Căn cứ Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh tên nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Xây dựng tại Công văn số 2104/BXD-QHKT ngày 25/5/2023 về việc góp ý đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Tịnh tại Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 31/5/2023 và Công văn số 998/UBND-KT ngày 12/6/2023; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 88/BC-SXD ngày 19/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung đô thị mới Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Quy mô, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch

Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 2.018 ha; bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Tịnh Hà (khoảng 1.981ha) và một phần diện tích tự nhiên của xã Tịnh Sơn (khoảng 37ha), huyện Sơn Tịnh; giới cận như sau:

- Phía Đông: Giáp xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi;
- Phía Tây: Giáp suối Bà Mẹo, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh;
- Phía Nam: Giáp sông Trà Khúc;
- Phía Bắc: Giáp xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh.

3. Tính chất

- Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Sơn Tịnh.

- Là đầu mối giao thông quan trọng giữa các xã trong huyện và giữa huyện Sơn Tịnh với thành phố Quảng Ngãi, Khu Kinh tế Dung Quất và các huyện lân cận.

- Là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế cho các khu vực lân cận trên địa bàn huyện và tỉnh.

4. Dự báo quy mô dân số:

- Đến năm 2030: Dân số khoảng 23.000 người.
- Đến năm 2045: Dân số khoảng 31.000 người.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khu vực quy hoạch được đề xuất trên cơ sở Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, có hướng đến các chỉ tiêu của đô thị loại V, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
I	Đất dân dụng đô thị	m²/người	≤120
	- Đất đơn vị ở	m ² /người	≥15
	- Đất công trình dịch vụ - công cộng	m ² /người	≥3
	- Đất cây xanh	m ² /người	≥4
	- Đất giao thông	km/km ²	6,5-8,0
II	Hạ tầng xã hội thiết yếu cấp đô thị		
1	Giáo dục		
	Trường Phổ thông trung học	hs/1000 dân	40
		m ² /học sinh	10
2	Y tế	giường/1000 người	4
		m ² /giường	100
3	Trung tâm Văn hóa - thể thao	m ² /người	0,8
		ha/công trình	3
4	Chợ	ha/công trình	1
5	Các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác	Đảm bảo đáp ứng quy định QCVN 01: 2021/BXD	
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông		
	- Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (cấp đường khu vực)	%	≥13
	- Bãi đỗ xe	m ² /người	≥2,5
	- Diện tích đất giao thông trên dân số	m ² /người	≥5
2	Chỉ tiêu cấp nước		
	- Sinh hoạt	l/ng.ng.đ	≥100 (≥120 dài hạn)
3	Chỉ tiêu cấp điện		
	- Sinh hoạt	kwh/ng.năm	≥400 (≥1000 dài hạn)
	- Công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30
4	Lượng nước thải		
	- Sinh hoạt (tỷ lệ nước cấp)	%	≥80
5	Lượng rác thải	Kg/người.ngày	0,8 (tỷ lệ thu gom ≥85%)
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	≥0,04

6. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất dân dụng	371,82	18,43
1	Nhóm nhà ở	147,60	7,31
	- <i>Hiện trạng (đất ở chiếm khoảng 41%, còn lại là đất vườn xen cấy)</i>	117,00	
	- <i>Quy hoạch mới</i>	30,60	
2	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ (tỷ lệ đất nhóm ở $\leq 60\%$)	117,22	5,81
3	Giáo dục	10,27	0,51
	<i>Cấp đô thị (trường THPT)</i>	1,88	
	<i>Cấp đơn vị ở (trường THCS, Tiểu học, Mầm non)</i>	8,39	
4	Đất dịch vụ - công cộng khác	21,22	1,05
	- <i>Dịch vụ - công cộng khác cấp đô thị</i>	14,20	0,70
	- <i>Y tế</i>	0,13	
	- <i>Văn hóa thể dục thể thao</i>	3,05	
	- <i>Thương mại</i>	11,02	
	- <i>Dịch vụ - công cộng khác cấp đơn vị ở</i>	7,03	0,35
5	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,89	0,04
6	Đất cây xanh sử dụng công cộng	24,56	1,22
	- <i>Cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị</i>	16,63	
	- <i>Cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở</i>	7,94	
7	Đất giao thông đô thị	49,84	2,47
8	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	0,21	0,01
II	Đất ngoài dân dụng	281,34	13,94
1	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	13,91	0,69
2	Đất dịch vụ ngoài đô thị	8,57	0,42
3	Đất trung tâm y tế	6,92	0,34
4	Đất trung tâm văn hoá, thể dục thể thao	6,15	0,30
5	Đất cây xanh chuyên dụng	158,42	7,85
6	Đất di tích, tôn giáo	3,39	0,17
7	Đất an ninh	2,57	0,13
8	Đất quốc phòng	3,11	0,15
9	Giao thông đối ngoại	78,05	3,87
10	Hạ tầng kỹ thuật khác	0,25	0,01

III	Đất khác	1.364,84	67,63
1	Đất dự trữ phát triển	105,96	5,25
2	Đất sản xuất nông nghiệp	894,94	44,35
3	Đất lâm nghiệp	130,20	6,45
4	Mặt nước (sông suối, kênh...)	233,74	11,58
	Tổng diện tích	2.018	100,0

7. Cấu trúc và định hướng phát triển không gian đô thị

a) Kết nối giao thông vùng

- Các tuyến đường Quốc gia trong khu vực gồm:

+ Các trục Bắc - Nam: Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường sắt cao tốc và đường sắt Bắc - Nam.

+ Trục Đông - Tây: Quốc lộ 24B kết nối trung tâm huyện Sơn Tịnh với thành phố Quảng Ngãi, các huyện miền núi Sơn Hà, Sơn Tây và các tỉnh Tây Nguyên.

- Trục dọc D1 - ĐT.621D (Đường cầu Trà Khúc 3): Kết nối với đường QL.24C, huyện Bình Sơn đến đường ĐT.623B, huyện Tư Nghĩa và kéo dài đi xã Phổ An, thị xã Đức Phổ.

- Đường trục dọc D3 (Vành đai 4): Kết nối thành phố Quảng Ngãi và Quốc lộ 24C.

b) Cấu trúc giao thông

- Kết nối các trục đường: Đường cầu Trà Khúc 3, Trục D2, Trục D3 và Trục D4 qua Quốc lộ 24B để phát triển đô thị theo hướng Bắc - Nam.

- Tổ chức các trục đường song song với QL.24B về phía Nam là đường bờ Bắc sông Trà Khúc; phía Bắc là trục ngang N2 kết nối với đường trục chính theo Quy hoạch phân khu trung tâm phía Bắc thành phố Quảng Ngãi.

- Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị theo dạng ô cờ, kết nối vào các tuyến đường gom dọc đường sắt cao tốc và đường sắt Bắc - Nam tạo thành bộ khung giao thông cho đô thị.

c) Định hướng phát triển không gian đô thị

c1) Khu đô thị trung tâm huyện: Là trung tâm hành chính tập trung của huyện, trung tâm y tế chất lượng cao, trung tâm giáo dục, trung tâm thương mại - dịch vụ, công cộng, công viên, các khu ở hiện trạng và xây dựng mới.

c2) Khu đô thị mới phía Đông Nam: Là khu đô thị mới phát triển trên nền tảng khu trung tâm xã Tịnh Hà, với các trung tâm thương mại - dịch vụ hỗn hợp, công trình công cộng, công viên cây xanh, các khu ở hiện trạng chỉnh trang và xây dựng mới.

c3) Các khu ở mật độ thấp và vùng sản xuất nông - lâm nghiệp: Là khu

vực sản xuất nông - lâm nghiệp tập trung phía Bắc đô thị, các khu ở mật độ thấp hiện hữu phân tán trong khu vực sản xuất nông lâm nghiệp, là quỹ đất dự trữ phát triển cho tương lai.

d) Các đơn vị ở

Đô thị mới Sơn Tịnh sẽ chia thành 4 đơn vị ở, cụ thể:

- Đơn vị ở 1 (đơn vị ở trung tâm): Là khu vực trung tâm đô thị với phần lớn các công trình cơ quan hành chính, công cộng, cây xanh đô thị.

- Đơn vị ở 2: Phía Bắc Quốc lộ 24B và phía Tây cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, với dân cư tập trung chủ yếu khu vực phía Nam, phía Bắc là các điểm dân cư mật độ thấp.

- Đơn vị ở 3: Phía Bắc Quốc lộ 24B và phía Đông cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, với dân cư tập trung chủ yếu dọc Quốc lộ 24 và các nhóm ở tại thôn Hà Trung, Hà Nhai, phía Bắc là các nhóm ở mật độ thấp.

- Đơn vị ở 4: Phía Đông cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, phía Nam Quốc lộ 24B, là khu ở mật độ cao.

8. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

a1) Giải pháp san nền

- Đối với những khu vực phát triển mới:

+ Những khu vực có cao độ nền tự nhiên lớn hơn cao độ khống chế dự kiến san gạt, đào nền tạo mặt bằng xây dựng chuẩn và thuận lợi cho việc thoát nước mưa.

+ Những khu vực có cao độ nền tự nhiên thấp hơn cao độ khống chế, dự kiến tôn đắp nền đến cao độ khống chế tối thiểu của từng khu vực.

- Đối với khu vực đã xây dựng, có cao độ nền ổn định: Dự kiến giữ nguyên hiện trạng, những khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ khống chế, từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ khống chế chung của khu vực để đảm bảo tiện nghi cho đô thị.

- Cao độ khống chế cho từng khu vực phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi (khu vực phía Tây đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi thiết kế đảm bảo chống lũ với tần suất 10%, khu vực phía Đông đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi thiết kế đảm bảo chống lũ với tần suất 5%) có tính đến mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu.

a2) Giải pháp thoát nước mưa

- Quy hoạch, xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn.

- Lưu vực thoát nước: Chia làm nhiều lưu vực nhỏ phù hợp với lưu vực thoát nước tự nhiên, gồm các lưu vực sau:

+ Lưu vực phía Bắc Quốc lộ 24B: Thoát ra suối Ngòi, kênh Sơn Tịnh và hệ thống kênh tiêu.

+ Lưu vực phía Nam Quốc lộ 24B: Thoát ra sông Trà Khúc, suối Ngòi và kênh Sơn Tịnh.

a3) Giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác

- Xây dựng đê kè, tường chống lũ ven sông, chỉnh trị dòng chảy sông Trà Khúc đảm bảo thoát lũ, phù hợp với đồ án điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, kết hợp hệ thống trạm bơm tiêu ven sông và công viên cây xanh ven sông đảm bảo thoát lũ tốt cho đô thị.

- Cải tạo, khơi thông, mở rộng dòng chảy và kết nối các trục thoát nước chính như suối Ngòi, kênh Sơn Tịnh,... kết hợp đầu tư xây dựng công viên dọc sông, tạo thành các trục cảnh quan cho đô thị và đảm bảo các khu vực chứa nước vào mùa mưa, đảm bảo khả năng chống ngập úng tốt hơn và tạo cảnh quan khu vực.

b) Định hướng phát triển hệ thống giao thông

b1) Giao thông đối ngoại

- Giao thông đường bộ

+ Đường bộ cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi: Quy mô quy hoạch 6 làn xe (theo định hướng Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050).

+ Trục Quốc lộ 24B: Quy mô mặt cắt ngang đoạn qua khu vực lập quy hoạch là 34m.

+ Đường tỉnh quy hoạch mới ĐT.621D (Quốc lộ 24C - Phổ An): Quy mô mặt cắt ngang đoạn qua khu vực lập quy hoạch là 26m.

+ Đường tỉnh quy hoạch mới ĐT.621C (Bình Hiệp - Đức Lợi): Quy mô mặt cắt ngang đoạn qua khu vực lập quy hoạch là 46,5m.

- Giao thông đường sắt

+ Đường sắt cao tốc Quốc gia: Thực hiện theo quy hoạch ngành đường sắt, khu vực qua đô thị Sơn Tịnh tuyến đường sắt cao tốc dự kiến đi trên cao.

+ Đường sắt Bắc - Nam: Thực hiện theo quy hoạch của ngành đường sắt. Xây dựng hành lang đường gom dọc tuyến và các vị trí giao cắt đảm bảo an toàn giao thông và điều kiện phát triển cho khu vực dọc tuyến.

- Giao thông đường thủy: Tuyến sông Trà Khúc đoạn qua khu vực lập quy hoạch: Luồng cấp IV-ĐTNĐ.

b2) Giao thông đối nội

Tổ chức các trục kết nối với giao thông đối ngoại

** Các tuyến trục ngang:*

- Đường N1: Trục ven sông Trà khúc là tuyến đường cảnh quan của đô thị, quy mô mặt cắt ngang $B_n=17,5-27,5m$.

- Đường N2: Trục ngang phía Bắc, quy mô mặt cắt ngang $B_n=31m$.

** Các tuyến trục dọc:*

- Trục dọc D2: Định hướng mới tuyến nối từ đường ven sông Trà Khúc chạy song song với đường cao tốc, đi về hướng Tịnh Thọ, quy mô mặt cắt ngang $B_n=27-50m$.

- Trục dọc D3: Quy mô mặt cắt ngang $B_n=46,5m$.

- Trục dọc D4: Trên cơ sở tuyến đường ĐH.20, nâng cấp kéo dài tuyến về phía Nam đến giao với tuyến đường sông Trà Khúc, quy mô mặt cắt ngang $B_n=27m$

** Các đường nội bộ khác:*

- Đường chính đô thị, đường liên khu vực: Quy hoạch nâng cấp, xây dựng mới với quy mô mặt cắt ngang từ $20,5m-39,0m$.

- Đường chính khu vực, đường khu vực: Quy hoạch nâng cấp, xây dựng mới với quy mô mặt cắt ngang từ $16,0m-27,0m$.

- Đường nội bộ hiện trạng cải tạo, chỉnh trang với quy mô mặt cắt ngang từ $14,5m-21m$.

b3) Bãi đỗ xe: Bố trí các bãi đỗ xe tập trung với chỉ tiêu diện tích được tính toán theo từng phân khu đảm bảo chỉ tiêu $\geq 2,5m^2/người$.

c) Định hướng cấp nước

c1) Tổng nhu cầu dùng nước

- Giai đoạn ngắn hạn (năm 2030): Khoảng $5.000 m^3/ng.đ$;

- Giai đoạn dài hạn (năm 2045): Khoảng $6.500 m^3/ng.đ$.

c2) Nguồn nước:

Nguồn nước cấp chính cho khu vực từ nguồn nước mặt sông Trà Khúc kết hợp nước ngầm khu vực hạ lưu ven sông Trà Khúc.

c3) Công trình đầu mối:

Nhà máy nước thành phố Quảng Ngãi thông qua đường ống D300 chạy dọc Quốc lộ 24B và lấy nước từ nhà máy nước Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận thông qua đường ống D300 nối từ cầu Trà Khúc 3.

d) Định hướng cấp điện

d1) Tổng nhu cầu cấp điện cho khu vực lập quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn (đến năm 2030) khoảng $11.800 kVA$;

- Giai đoạn dài hạn (đến năm 2045) khoảng 15.400 kVA.

d2) Nguồn điện và lưới điện

- Nguồn điện: Lấy từ trạm 110KV Tĩnh Phong.

- Lưới điện 22kV: Đi ngầm đảm bảo mỹ quan đô thị. Đối với khu vực lưới điện hiện trạng từng bước hạ ngầm đường dây hiện trạng khi đầu tư nâng cấp các trục giao thông.

d3) Chiếu sáng đô thị

- Những tuyến đường chính có dải phân cách ở giữa bố trí đèn chiếu sáng đôi trên dải phân cách.

- Những tuyến đường chính có mặt cắt đường >10,5m bố trí đèn chiếu sáng hai bên đường; đường nhánh có mặt cắt đường <10,5m bố trí đèn chiếu sáng một bên đường.

đ) Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

đ1) Quy hoạch thoát nước thải

Tổng khối lượng nước thải sinh hoạt của khu vực quy hoạch đến năm 2030 khoảng 2.700m³/ng.đ và đến năm 2045 khoảng 3.600m³/ng.đ, được thu gom bằng các đường cống tự chảy D300 - D600 và các trạm bơm chuyển tiếp dẫn nước thải về các trạm xử lý tập trung. Xây dựng 02 trạm xử lý với tổng công suất 3.600m³/ng.đ.

đ2) Quy hoạch chất thải rắn (CTR)

- Các loại CTR phải được phân loại tại nguồn.

- CTR phát sinh được đưa về các khu xử lý CTR tập trung trong khu vực (Khu xử lý CTR Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa hoặc Khu xử lý CTR Tĩnh Phong, thuộc Khu kinh tế Dung Quất).

đ3) Quy hoạch nghĩa trang

- Khu vực lập quy hoạch không bố trí nghĩa trang nhân dân. Định hướng quy hoạch sử dụng nghĩa trang chung của huyện Sơn Tịnh (dự kiến xây dựng mở rộng nghĩa trang Gò Nghĩa, xã Tịnh Sơn).

- Đối với các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn không đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường thì từng bước khoanh vùng đóng cửa, trồng cây xanh cách ly.

e) Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

e1) Mạng ngoại vi: Từng bước ngầm hoá mạng lưới thông tin liên lạc tại khu vực quy hoạch, các khu vực xây dựng mới phải đi ngầm đồng bộ hệ thống thông tin.

e2) Mạng di động: Phát triển mạng thu phát sóng thông tin di động; các trạm thu phát sóng thông tin di động đảm bảo cảnh quan kiến trúc, đảm bảo

các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn chất lượng, không gây ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng.

e3) Bưu chính: Phát triển hệ thống bưu chính đảm bảo tính hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ chuyển phát về số lượng vận chuyển và tần suất vận chuyển. Nâng cao ứng dụng dịch vụ bưu chính trong công tác giải quyết thủ tục hành chính. Đáp ứng tốt nhu cầu của người sử dụng.

e4) Viễn thông: Hạ tầng viễn thông phát triển bền vững, hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ, an toàn và an ninh thông tin, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ cảnh quan môi trường, có độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, tốc độ cao, cung cấp đa dịch vụ, chất lượng tốt, giá cước hợp lý, đáp ứng mọi nhu cầu của người sử dụng.

e5) Công nghệ thông tin

- Hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phát triển đáp ứng hiệu quả sự triển của các ngành khác. Đáp ứng được cơ sở hạ tầng, tạo cơ sở dữ liệu để phát triển hệ thống điều hành đô thị thông minh.

- Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình, đặc biệt là trong việc thúc đẩy phát triển chính phủ điện tử, thương mại điện tử.

g) Giải pháp bảo vệ môi trường

g1) Mục tiêu tổng thể

- Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mặt các sông, hồ và môi trường đất, không khí đặc biệt tại các khu vực dự kiến xả thải, khu du lịch, các điểm tập trung CTR...

- Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, xây dựng theo điều kiện địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp. Có phương án sử dụng đất thích hợp cho từng khu vực.

- Xây dựng khu xử lý nước thải, phương án thu gom chất thải thích hợp cho từng khu vực.

- Giảm thiểu tai biến môi trường. Hạn chế ảnh hưởng của hiện tượng úng ngập cục bộ do hệ thống tiêu thoát không đảm bảo. Có biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống mặt nước. Bảo vệ các điểm di tích, các khu có tiềm năng khai thác du lịch, các thảm thực vật. Bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước trong đô thị và diện tích nông nghiệp khu vực nông thôn.

- Đảm bảo nâng cao điều kiện xã hội, chất lượng cuộc sống dân cư hiện trạng.

g2) Về giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí

- Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn dọc các trục giao thông chính;

- Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong đô thị để cải thiện điều kiện vi khí hậu: Tổ chức không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, công viên...;

- Tại các trục đường giao thông chính, nền đường nên thường xuyên được quét dọn và phun nước chống bụi.

g3) Về giảm thiểu tác động đến môi trường nước

- Cải tạo sông hồ, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, đa dạng hóa loại hình và công nghệ xử lý nước thải theo quy mô và tính chất của các đô thị;

- Không đổ chất thải xuống các dòng chảy, xả thải bừa bãi trên các khu vực sông suối;

- Không được bố trí, xây dựng các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm nước gần khu vực nguồn nước.

g4) Về biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất

- Các khu xử lý, trung chuyển nước thải và rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm;

- Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định, không vứt bừa bãi, lung tung tại các khu vực đất trống.

g5) Giải pháp về quản lý

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đô thị đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tại khu vực;

- Giám sát hiệu quả của các công trình xử lý ô nhiễm, phát hiện các nguyên nhân gây biến động môi trường và xây dựng các giải pháp khắc chế hữu hiệu.

g6) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

- Quan trắc môi trường không khí tại các nút giao thông và trên các tuyến giao thông chính của khu vực, quan trắc môi trường không khí ở khu dân cư tập trung để nhận biết sớm sự gia tăng của các chất gây ô nhiễm nhằm có biện pháp giảm thiểu;

- Tiến hành quan trắc môi trường nước sông trong khu vực tại nguồn tiếp nhận xả thải, môi trường nước ngầm tại khu vực dân cư đông đúc nhằm theo dõi sự ô nhiễm môi trường nước theo thời gian;

- Quan trắc môi trường đất tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực xử lý nước thải, bãi tập kết rác;

- Lấy mẫu nước thải sinh hoạt, nước thải y tế trước và sau khi xử lý để theo dõi, từ đó có thể thay đổi công nghệ xử lý, quy mô khu xử lý phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

- Giám sát quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn để biết được sự thay đổi về khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn, qua đó có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

h) Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

h1) Các dự án ưu tiên đầu tư

Tập trung các dự án chiến lược, ưu tiên đầu tư làm cơ sở động lực phát triển du lịch - dịch vụ và đô thị trong tương lai, cụ thể:

- Các dự án hạ tầng kỹ thuật khung như các tuyến đường giao thông: Nâng cấp, mở rộng QL.24B; đường và cầu Trà Khúc 3 (ĐT.621D); kè và đường ven sông Trà Khúc, ĐH.20, một số tuyến đường chính đô thị...

- Đẩy mạnh thu hút, ưu tiên các dự án đầu tư về du lịch, nghỉ dưỡng, khu đô thị,... tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của khu vực. Cùng với đó là các dự án dịch vụ - thương mại, các khu vui chơi giải trí ở quy mô vừa và nhỏ để đảm bảo phục vụ cho người dân đô thị và du khách.

- Các dự án hạ tầng kỹ thuật khung khác như: Hệ thống cấp nước, thoát nước, đê kè ven sông, cấp điện, chất thải rắn, thoát nước thải, nghĩa trang.

- Các dự án hạ tầng xã hội thiết yếu như: Trung tâm y tế, trung tâm văn hoá - thể dục thể thao, công viên cây xanh, trường học...

h2) Nguồn lực đầu tư

- Ưu tiên sử dụng vốn ngân sách thực hiện các chương trình, dự án xây dựng cơ bản, các dự án trọng điểm kết cấu hạ tầng, các chương trình, dự án tạo động lực phát triển.

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án thuộc Chương trình kết cấu hạ tầng sử dụng nguồn vốn ODA, vốn doanh nghiệp, tham gia đầu tư các dự án du lịch, nghỉ dưỡng, khu đô thị, thương mại - dịch vụ...

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi gồm: 03 Chương, 14 Điều.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, UBND huyện Sơn Tịnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

2. UBND huyện Sơn Tịnh chịu trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết, thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các đồ án quy hoạch đô thị và các dự án có liên quan để có giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo phù hợp với đồ án Quy hoạch chung được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh; Chủ tịch UBND các xã: Tịnh Hà, Tịnh Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 586).



Đặng Văn Minh